

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA
LẦN THỨ XX**

Số **03** -NQ/ĐH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa
lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được tổ chức từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 10 năm 2025 tại phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa; có 486 đại biểu chính thức, đại diện cho trên 240 nghìn đảng viên của Đảng bộ đã dự Đại hội. Sau 03 ngày làm việc nghiêm túc, đoàn kết, trí tuệ, dân chủ và đổi mới, Đại hội đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ

I. Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; các quan điểm, phương châm hành động, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2025-2030. Cụ thể là:

1. Về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX

Đại hội khẳng định: Nhiệm kỳ qua, trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết, chủ động, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được triển khai thực hiện đồng bộ, sáng tạo, đạt kết quả toàn diện; nhiều khuyết điểm, vi phạm trên các lĩnh vực được chấn chỉnh, khắc phục, xử lý kịp thời; hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện và đưa vào vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo đúng quy định; hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách, quy hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh tiếp tục được bổ sung, sửa đổi, ban hành mới, ngày càng hoàn thiện. Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng cao, trong nhóm các tỉnh, thành phố có tốc độ tăng trưởng GRDP cao nhất cả nước; nhiều chỉ tiêu kinh tế vượt mục tiêu Đại hội và tăng cao so với nhiệm kỳ trước, nhất là thu ngân sách nhà nước, chỉ số sản xuất công nghiệp, giá trị xuất khẩu, tổng thu du lịch. Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; thu hút đầu tư nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới, ngày càng khang trang, hiện đại. Dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát hiệu quả, hạn chế thấp nhất về thiệt hại do dịch bệnh gây ra; giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao tiếp tục duy trì trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước; tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn, được nhân dân đánh giá cao; an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện; đã nỗ lực hoàn thành việc hỗ trợ xây dựng 14.780 ngôi nhà cho các hộ nghèo, gia đình chính sách, người còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quan hệ đối ngoại được mở rộng. Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền và hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường. Vị thế, tiềm lực, uy tín của tỉnh tiếp tục được nâng cao.

Đại hội thống nhất đánh giá, những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua là rất lớn và có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, cũng còn những hạn chế, yếu kém cần phải khẩn trương khắc phục, đó là: Còn 04 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra không đạt kế hoạch¹; kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng còn thấp. Sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị chưa nhiều. Tiến độ triển khai một số dự án công nghiệp lớn, trọng điểm còn chậm; chưa thu hút thêm được nhiều dự án FDI, dự án quy mô lớn, công nghệ cao. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu vẫn là sản phẩm thô, hàng gia công. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh có mặt còn hạn chế; nhiều khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” chậm được giải quyết. Hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chậm được cải thiện. Công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt một số quy hoạch còn chậm. Tiến độ triển khai một số dự án kết cấu hạ tầng giao thông, các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án hạ tầng thương mại, du lịch còn chậm; việc bố trí vốn đầu tư công chưa thực sự tập trung. Kết cấu hạ tầng, nhất là ở khu vực miền núi còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Chất lượng phát triển đô thị chưa cao. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đảo chưa hiệu quả, thiếu bền vững; nhiều vướng mắc về đất đai chậm được giải quyết; tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, ô nhiễm môi trường còn xảy ra. Đóng góp của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số vào phát triển kinh tế - xã hội còn thấp. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, thiếu chuyên gia đầu ngành, nguồn lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề cao. Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. An ninh tuyến biên giới, tuyến biển và một số địa bàn trọng điểm còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định; tình trạng xuất cảnh lao động trái phép, hoạt động tôn giáo trái pháp luật vẫn xảy ra. Công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo còn chậm; một số vụ việc khiếu kiện phức tạp giải quyết chưa triệt để, còn kéo dài; tai nạn giao thông, cháy nổ còn ở mức cao. Năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, chỉ đạo, quản lý điều hành của chính quyền một số địa phương, đơn vị còn hạn chế. Hoạt động của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở chậm đổi mới, hiệu quả chưa cao. Đội ngũ cán bộ, công chức ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu. Kết quả thực hiện một số chương trình trọng tâm, khâu đột phá còn hạn chế, thiếu nguồn lực để triển khai thực hiện.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan như: Tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, có nhiều bất ổn, khó dự báo; hệ thống thể chế của Nhà nước ở một số lĩnh vực chưa đồng bộ, còn vướng mắc, chồng chéo, mâu thuẫn nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung; đại dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường. Nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu và bao trùm, quan trọng nhất là do: Công tác dự báo, nắm tình hình trên một số lĩnh vực chưa sát với thực tế; còn tình trạng thiếu sâu sát, thiếu chủ động, sáng tạo, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trong đó có cả người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp trình độ, năng lực hạn chế, tinh thần trách nhiệm chưa cao; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong giải quyết công việc chưa chặt chẽ, kịp thời.

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ qua, Đại hội rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Một là, phải giữ vững nguyên tắc lãnh đạo của Đảng; thường xuyên chăm lo

xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; đặc biệt coi trọng việc giữ gìn, phát huy dân chủ, đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, tạo sự đồng thuận trong cả hệ thống chính trị và trong Nhân dân.

Hai là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và có trọng tâm, trọng điểm; phải thực sự sâu sát, quyết liệt, nắm chắc tình hình, dự báo sát đúng, phản ứng kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề mới; giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc, tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông mọi nguồn lực cho sự phát triển.

Ba là, coi trọng phát huy nội lực trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tiềm năng, thế mạnh, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của tỉnh; đồng thời phải tranh thủ tốt sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, huy động đa dạng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài; ưu tiên chọn lọc, thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn, thực sự có năng lực, có kinh nghiệm, có uy tín trong nước và quốc tế đầu tư vào tỉnh.

Bốn là, quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vì lợi ích chung; thường xuyên rà soát, kiện toàn, bố trí, sắp xếp lại cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kịp thời thay thế người đứng đầu thiếu trách nhiệm, năng lực hạn chế để địa phương, cơ quan, đơn vị trì trệ, yếu kém, mất đoàn kết nội bộ.

Năm là, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành; tăng cường công tác tự kiểm tra, tự phát hiện, tự soi, tự sửa các hạn chế, yếu kém; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; chủ động ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý các vi phạm, khuyết điểm ngay từ khi mới phát sinh.

2. Đại hội thống nhất cao với các quan điểm, phương châm hành động, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2025-2030 đã nêu trong Báo cáo chính trị, cụ thể:

2.1. Quan điểm phát triển

(1) Vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là những chủ trương, nghị quyết có tính đột phá, chiến lược vào tình hình thực tiễn của tỉnh; chủ động thực hiện phương châm “địa phương làm, địa phương quyết, địa phương chịu trách nhiệm”; phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, khát vọng đi đầu để bứt phá đi lên, xây dựng Thanh Hóa thực sự trở thành cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung bộ và Nam đồng bằng Bắc bộ.

(2) Phát huy cao độ lợi thế về vị trí chiến lược, vai trò cầu nối liên kết vùng và tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh của tỉnh; phát triển hài hòa, cân đối giữa các vùng, miền, giữa đô thị và nông thôn; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển nhanh với phát triển bền vững, giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, trong đó, phát triển theo chiều sâu là chủ đạo.

(3) Huy động tối đa nội lực, kết hợp với tranh thủ tốt các nguồn lực từ bên ngoài; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực then chốt; lấy kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng; lấy văn hóa và con người làm nguồn lực

nội sinh; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, huy động sức mạnh của cả Hệ thống chính trị để thực hiện các mục tiêu phát triển.

(4) Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; mọi thành quả phát triển đều hướng tới phục vụ Nhân dân; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó tuyệt đối không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

(5) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo vững chắc quốc phòng an ninh, trong đó, phát triển kinh tế là trọng tâm, đảm bảo quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; chú trọng công tác đối ngoại, hợp tác, hội nhập quốc tế và tăng cường liên kết vùng để mở rộng không gian, dư địa phát triển.

2.2. Phương châm hành động:

Đoàn kết - Kỷ cương - Trách nhiệm - Sáng tạo - Phát triển

2.3. Mục tiêu chung: Xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm ở mức 02 con số; chuyển mạnh mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics. Phát triển đột phá khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; duy trì Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hàng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm về dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực Bắc Trung bộ. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị; đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Cải thiện rõ nét đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030 Thanh Hóa trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc.

2.4. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11% trở lên; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng khoảng 3% trở lên; công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 14% trở lên; dịch vụ tăng khoảng 9% trở lên; thuế sản phẩm tăng khoảng 6% trở lên.

(2) Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 57%; dịch vụ chiếm 33%; thuế sản phẩm chiếm 5%.

(3) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030 đạt 30%.

(4) GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 7.900 USD trở lên.

(5) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030 đạt 36% trở lên.

(6) Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt 90 triệu đồng trở lên.

(7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 840

nghìn tỉ đồng trở lên.

(8) Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 5,2 lần.

(9) Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 7% trở lên.

(10) Trị giá hàng hóa xuất khẩu năm 2030 đạt 15 tỉ USD trở lên.

(11) Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm ổn định ở mức 1,5 triệu tấn.

(12) Số doanh nghiệp thành lập mới 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 15.000 doanh nghiệp trở lên.

(13) Tỷ lệ đô thị hóa năm 2030 đạt 50% trở lên.

(14) Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 tăng thêm 50.000 ha trở lên; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao đạt 10.000 ha trở lên.

(15) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm đạt 8,1% trở lên.

(16) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế năm 2030 đạt 55% trở lên.

(17) Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới trong 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 7.500 căn hộ trở lên.

(18) Đến năm 2030 toàn tỉnh có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: có 35% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; không còn xã dưới 15 tiêu chí nông thôn mới.

(19) Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2026 - 2030 giảm bình quân hàng năm từ 1% trở lên.

(20) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 80% trở lên; trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35% trở lên.

(21) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 dưới 20%.

(22) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 95% trở lên.

(23) Số bác sỹ/1 vạn dân đến năm 2030 đạt 15 bác sỹ/10.000 dân.

(24) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 88,5% trở lên.

(25) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm 2030 đạt 59,5% trở lên.

(26) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2030 đạt 54,5% trở lên.

(27) Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2030 đạt 99,5%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 75%.

(28) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt 95%.

(29) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hàng năm đạt 80% trở lên; phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 50% xã, phường không ma túy.

(30) 100% số xã, phường có lực lượng dân quân thường trực; xây dựng mới 3 - 4 đường hầm trong khu vực phòng thủ tỉnh.

(31) Hàng năm kết nạp 8.100 đảng viên mới trở lên.

(32) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 90% trở lên.

2.5. Nhiệm vụ trọng tâm

(1) Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao chất lượng, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, điều động, bố trí, sắp xếp lại và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng công tác, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới tư duy, phương thức quản lý, điều hành của các cấp chính quyền theo hướng kiến tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

(2) Quán triệt, triển khai thực hiện quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị, các nghị quyết của Trung ương mới ban hành, đặc biệt những chủ trương, nghị quyết có tính đột phá, chiến lược². Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện, đảm bảo các chủ trương, nghị quyết của Đảng sớm đi vào cuộc sống, đạt được mục tiêu đề ra.

(3) Phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng, nhất là các động lực tăng trưởng mới. Triển khai thực hiện sáng tạo, hiệu quả các giải pháp nâng cao tốc độ tăng trưởng theo Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu; tập trung xây dựng, phát triển 4 trung tâm kinh tế động lực theo Quy hoạch tỉnh, 3 trụ cột phát triển (công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; du lịch), tạo sức lan tỏa thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực, các vùng, khu vực và cả tỉnh.

(4) Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng để khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, nhất là đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách. Bố trí, sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả đầu tư công để phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững, khẳng định vị thế là cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung bộ và Nam đồng bằng Bắc bộ.

(5) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn, trọng tâm là hạ tầng các khu công nghiệp, hoàn chỉnh hệ thống Cảng biển Nghi Sơn; nghiên cứu, đề xuất quy hoạch cảng tổng hợp tại khu vực Đảo Mê; khẩn trương triển khai thực hiện các dự án điện khí (LNG); xúc tiến nhanh việc triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn; tạo thuận lợi, ưu tiên thu hút các dự án hóa dầu, tổng kho xăng dầu, các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp mới nổi, dịch vụ logistics, đưa Thanh Hóa thành Trung tâm năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics.

(6) Lồng ghép, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả 5 chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình giảm nghèo bền vững; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, dân tộc; Chương trình phát triển văn hóa; Chương trình phòng, chống ma túy) nhằm phát triển hài hòa giữa

đô thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi, giữa kinh tế với văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, không để ai bị bỏ lại phía sau.

(7) Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, Nhân dân quan tâm³; thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, văn minh; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, tránh lũ quét, sạt lở đất ở khu vực miền núi, tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu.

(8) củng cố, kiện toàn, xây dựng lực lượng vũ trang, dự bị động viên, dân quân tự vệ đảm bảo về số lượng và chất lượng, phù hợp với mô hình tổ chức mới; tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh đấu tranh trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội; giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ việc phức tạp ngay tại cơ sở, tạo môi trường an toàn, lành mạnh, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên cho Nhân dân.

2.6. Các khâu đột phá

(1) Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng khu vực miền núi, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hạ tầng du lịch.

(2) Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở 5 trụ cột là: cơ chế chính sách, nhân lực, dữ liệu và công nghệ cao; xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...); xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

(3) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của tỉnh; đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, tuân thủ pháp luật, có khát vọng làm giàu chính đáng, có trách nhiệm với xã hội; đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành, công nhân lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh.

2.7. Giải pháp chủ yếu

2.7.1. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(1) Tập trung xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức. Đổi mới công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên. Đổi mới công tác dân vận theo hướng thiết thực, cụ thể, sáng tạo, hướng đến mục tiêu đồng thuận và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quản lý của chính quyền; thường xuyên đối thoại, tiếp xúc, lắng nghe, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tập trung thực hiện hiệu quả Kết luận số 177-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính 2 cấp, bảo đảm thông suốt, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực theo quy định. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các khâu trong công tác cán bộ; triển khai xây dựng và áp dụng Chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tăng cường, củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Phấn đấu tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt trên 90%. Tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ; thực hiện tốt công tác thẩm tra, thẩm định, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị trong các khâu của công tác cán bộ. Quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; kiên quyết bố trí, sắp xếp lại đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trì trệ kéo dài, hoặc để mất đoàn kết nội bộ, xảy ra tiêu cực, tham nhũng nghiêm trọng.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Coi trọng giám sát thường xuyên để chủ động phòng ngừa, cảnh báo vi phạm. Chủ động nắm chắc tình hình tổ chức đảng và đảng viên, kịp thời phát hiện và tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; xử lý nghiêm đối với cán bộ vi phạm. Thực hiện tốt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp trong phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực qua công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, MTTQ, các đoàn thể, cơ quan báo chí và Nhân dân trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng theo hướng sâu sát, cụ thể, thiết thực, hiệu quả, đúng nguyên tắc, rõ trách nhiệm, có trọng tâm, trọng điểm; không buông lỏng vai trò lãnh đạo, không bao biện làm thay. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để đổi mới phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc trong các cơ quan Đảng và hệ thống chính trị.

(2) Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, HĐND và UBND các cấp. Nâng cao vai trò, vị thế của Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội tỉnh trong nắm bắt, phản ánh, đề xuất giải quyết kiến nghị của cử tri và tham gia đóng góp vào các hoạt động, các quyết định của Quốc hội. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp; nâng cao chất lượng công tác tiếp xúc cử tri, giám sát và ban hành nghị quyết của HĐND. Đổi mới mạnh mẽ tư duy quản lý nhà nước, hướng tới hiệu quả, minh bạch, kiến tạo và phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước của UBND các cấp trên các lĩnh vực, đặc biệt là cấp xã. Tập trung giải quyết hiệu quả khó khăn, vướng mắc, bất cập, tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong các lĩnh vực; chú trọng giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, khắc phục những hạn

chế, yếu kém kéo dài trong các lĩnh vực. Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các cơ quan nhà nước của tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; khẩn trương khắc phục tình trạng sù sai, sù trách nhiệm, đùn đẩy trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thực thi công vụ.

(3) Đồi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả hoạt động của MTTQ và các đoàn thể. Đồi mới, đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp, nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp Nhân dân để chủ động tham mưu và tham gia giải quyết các khó khăn, vướng mắc, các vụ việc phát sinh, nổi cộm ở cơ sở; tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Chú trọng đồi mới công tác tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội để tuyên truyền đến đông đảo đoàn viên, hội viên, Nhân dân. Tiếp tục củng cố, xây dựng tổ chức hội vững mạnh, đội ngũ cán bộ làm công tác hội có phẩm chất, năng lực, uy tín, tâm huyết, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới. Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của MTTQ trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; tập hợp, vận động Nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị và của tỉnh.

2.7.2. Về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, đối ngoại

(1) Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tạo khuôn khổ pháp lý rõ ràng, minh bạch, thuận lợi cho huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng, đảm bảo hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 02 con số, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng tăng trưởng.

Khẩn trương rà soát, sửa đồi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh theo hướng chuyển từ tư duy quản lý sang kiến tạo, phục vụ, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, dễ thực hiện. Tạo đột phá về cải cách thủ tục hành chính, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hành động vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Tập trung rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát, khắc phục các hạn chế, yếu kém để nâng cao thứ hạng các chỉ số phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh⁴. Tổ chức tốt việc tiếp nhận, giải quyết kịp thời, hiệu quả các khó khăn, vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp.

Phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng truyền thống⁵, nhất là đầu tư. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành các dự án đang triển khai, đặc biệt là các dự án lớn, trọng điểm⁶. Thực hiện bố trí vốn đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực và hiệu quả; tiến hành rà soát, đánh giá các dự án đầu tư công dở dang, trên cơ sở đó tiếp tục bố trí vốn để đầu tư hoàn thành đối với những dự án thực sự cần thiết, tránh lãng phí; tập trung bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp để rút ngắn thời gian đầu tư, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả. Tổ chức lựa chọn, ưu tiên bố trí vốn đầu tư thực hiện một số công trình, dự án quan trọng, thực sự hiệu quả, có tính đột phá, có tác động lan tỏa lớn, tạo động lực

thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng và cả tỉnh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp kích cầu, ổn định giá cả, bảo vệ người tiêu dùng, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, khuyến khích tiêu dùng xanh, tiêu dùng có trách nhiệm nhằm phát huy vai trò của tiêu dùng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các sản phẩm chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô, sản phẩm sơ chế; hỗ trợ, tạo thuận lợi để doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử, liên kết với các doanh nghiệp quốc tế để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu.

Tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, nhất là khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, liên kết vùng để nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng tăng trưởng; nghiên cứu xây dựng một số mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ để tổng kết rút kinh nghiệm, từng bước nhân ra diện rộng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu, khai thác các nguồn thu mới, các nguồn thu còn dư địa, giảm sự phụ thuộc nhiều vào nguồn thu từ tiền sử dụng đất; quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tiết kiệm chi thường xuyên để bố trí cho đầu tư phát triển.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng kinh tế. Tập trung vận động, khơi dậy tinh thần kinh doanh, khởi nghiệp của mọi người dân, doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho các thành phần kinh tế tư nhân tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là vốn, đất đai, nhân lực, công nghệ; hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân mở rộng thị trường, tái cơ cấu sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo⁷, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, liên kết chuỗi giá trị; khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trong nước, khu vực và quốc tế.

Đổi mới mạnh mẽ hoạt động xúc tiến đầu tư; thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc⁸; ưu tiên vận động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường; tăng cường hỗ trợ kết nối giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài với khu vực kinh tế trong nước để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý và đào tạo nhân lực.

(2) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao⁹; triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái. Khẩn trương xây dựng, phân đầu hoàn thành hệ thống bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng toàn tỉnh trong năm 2026. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao, chuỗi

giá trị, đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất kết hợp với phát triển du lịch và kinh doanh tín chỉ các-bon rừng. Phát triển thủy sản trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao, hướng mạnh đến xuất khẩu; phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia và quốc phòng - an ninh trên các vùng biển.

Phát triển mạnh công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại. Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở công nghiệp hiện có nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm; tiến hành rà soát, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, trước mắt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn¹⁰. Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo, nhất là các ngành công nghiệp mới nổi, các ngành công nghiệp có hàm lượng phát thải các-bon thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, công nghệ cao¹¹ để Thanh Hóa sớm trở thành một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung bộ và cả nước về công nghiệp chế biến, chế tạo. Phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt may, da giày...); từ năm 2026, hạn chế, tiến tới dừng thu hút đầu tư mới các dự án may mặc, da giày tại khu vực đồng bằng và ven biển; khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sử dụng nhiều lao động vào khu vực trung du và miền núi. Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng; phát triển đô thị và nhà ở theo hướng xanh, thông minh. Xây dựng các cơ chế, chính sách để hỗ trợ, khuyến khích phát triển mạnh nhà ở cho người có thu nhập thấp, công nhân, lao động ở các đô thị, khu công nghiệp.

Phát triển nhanh các sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn. Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng kinh tế số, công nghệ hiện đại và đẩy mạnh xã hội hóa, ưu tiên thu hút phát triển du lịch, dịch vụ logistics, dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn¹². Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án du lịch đang triển khai¹³; tiếp tục thu hút các dự án du lịch có quy mô lớn, dịch vụ mới lạ, hấp dẫn¹⁴, từng bước đưa Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước¹⁵. Phát triển dịch vụ logistics gắn với vận tải đa phương thức; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics cấp vùng hạng I và các tổng kho dự trữ dầu thô, kho khí LNG tại Khu kinh tế Nghi Sơn; kêu gọi, thu hút đầu tư trung tâm logistics cấp tỉnh theo quy hoạch và trung tâm logistics tại khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng. Tiếp tục mở mới các đường bay đi - đến Cảng hàng không Thọ Xuân, trong đó có đường bay quốc tế. Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển thương mại điện tử gắn với tăng cường quản lý nhà nước. Tập trung phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, kho bảo quản, chợ đầu mối tại các khu vực đô thị lớn, trung tâm vùng, miền, Khu kinh tế Nghi Sơn; phát triển mạnh loại hình siêu thị kết hợp chợ truyền thống và cửa hàng bán lẻ tại khu vực các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm xã; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ tại khu vực nông thôn.

(3) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo cơ sở thúc đẩy kết nối các vùng, miền, các trung tâm kinh tế động lực, phát huy vai trò cực tăng trưởng mới¹⁶

Tập trung bố trí vốn để tiếp tục đầu tư các dự án giao thông lớn, trọng điểm còn dở dang, đang tạm dừng thi công để nhanh chóng đưa vào khai thác, sử dụng, phát

huy hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí¹⁷. Sớm đầu tư hoàn thành tuyến đường bộ ven biển đoạn qua Thanh Hóa, các tuyến đường kết nối các tuyến giao thông trục chính của tỉnh với các nút giao cao tốc Bắc - Nam phía Đông; tiếp tục đầu tư, cải tạo, mở rộng đường giao thông nông thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại; quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống cầu dân sinh ở khu vực miền núi.

Nghiên cứu phương án, huy động vốn đầu tư xây dựng mới các tuyến đường kết nối liên xã, liên vùng¹⁸, kết nối giữa Thanh Hóa với các tỉnh khu vực Tây Bắc, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; nghiên cứu quy hoạch, xây dựng dự án đầu tư các tuyến giao thông kết nối để kịp thời phát huy hiệu quả đường sắt tốc độ cao qua địa bàn tỉnh; kết hợp đồng bộ giữa đầu tư công và đầu tư từ nguồn xã hội hóa để nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Thọ Xuân, phấn đấu đến năm 2030 trở thành cảng hàng không quốc tế. Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp, cảng container, cảng chuyên dùng và nạo vét luồng tàu vào cảng để sớm hoàn chỉnh hệ thống Cảng biển Nghi Sơn và các cảng biển theo quy hoạch¹⁹. Rà soát, lập quy hoạch Đảo Mê theo hướng kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nghiên cứu, đề xuất quy hoạch cảng tổng hợp tại khu vực Đảo Mê, làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối, trọng điểm, đảm bảo an toàn hồ, đập²⁰; nghiên cứu lập dự án đầu tư hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt cửa sông Lạch Trường và cửa sông Mã. Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, đáp ứng yêu cầu phòng chống lụt bão và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư hệ thống công trình tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, tiêu thoát nước cho các đô thị²¹; các công trình hạ tầng khai thác hải sản và nuôi trồng thủy sản²². Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu, hạ tầng khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp²³, cụm công nghiệp²⁴ đang triển khai; tiếp tục xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín, kinh nghiệm để đầu tư và kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới theo quy hoạch²⁵. Phấn đấu đến năm 2030 lấp đầy các khu công nghiệp đang thực hiện đầu tư; có ít nhất 30 cụm công nghiệp đi vào hoạt động²⁶ và đạt tỉ lệ lấp đầy 70% diện tích trở lên.

Phát triển hệ thống hạ tầng điện bảo đảm nguồn cung cấp điện đầy đủ, liên tục, an toàn, hiệu quả. Tập trung kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án nguồn điện đã được quy hoạch, trọng tâm là các dự án: Nhiệt điện LNG Nghi Sơn, Điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn, Điện khí LNG Công Thanh, phấn đấu Thanh Hóa trở thành trung tâm năng lượng của cả nước. Phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; quan tâm đầu tư hạ tầng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn thông tin mạng; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Big Data). Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng viễn thông di động mặt đất 4G/5G, mạng Internet băng rộng cố định, có khả năng truy nhập tốc độ cao, phổ cập được tới tất cả các thôn, bản trên địa bàn tỉnh.

Khẩn trương triển khai các thủ tục để đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học, và trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn; ưu tiên đầu tư xây dựng các trường nội trú và nơi ở cho giáo viên vùng miền núi, dân tộc. Đẩy mạnh xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng: Bảo

tàng tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh, Công viên văn hóa xứ Thanh, Sân vận động tỉnh đạt chuẩn, Nhà thi đấu đa năng và Khu thể thao dưới nước tầm cỡ khu vực; tập trung huy động nguồn lực để đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh đầu tư hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, phát triển một số bệnh viện đa khoa khu vực; đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trung tâm y tế dự phòng, các trạm y tế cấp xã.

Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, lồng ghép vốn từ các chương trình, dự án để đầu tư hạ tầng các khu tái định cư phục vụ sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại khu vực miền núi; chủ động quy hoạch, bố trí đất để đầu tư xây dựng hạ tầng các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đoạn qua Thanh Hóa và các dự án hạ tầng trọng điểm của tỉnh.

(4) Đẩy mạnh phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới; phát triển bền vững, hài hòa giữa các vùng, miền.

Phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, bền vững, giàu bản sắc xứ Thanh; kết hợp hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết các khu đô thị cũ với phát triển các đô thị mới; xây dựng kế hoạch, phương án để chủ động phòng tránh, giải quyết từ sớm những vấn đề bức xúc của đô thị như: ngập lụt, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường do rác thải, nước thải... Nghiên cứu quy hoạch và lộ trình xây dựng Khu hành chính tập trung của tỉnh theo hướng thông minh, hiện đại. Xây dựng nông thôn mới văn minh, phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, hiệu quả, đi vào chiều sâu. Thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn, huy động các nguồn lực để tập trung thực hiện xây dựng nông thôn mới đối với khu vực miền núi; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới hiện đại đối với khu vực đồng bằng và trung du; xây dựng thôn, bản nông thôn mới ở những nơi đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phát triển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm 3 vùng kinh tế - xã hội, đảm bảo phát huy cao nhất vai trò, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển giữa khu vực miền núi với vùng đồng bằng, ven biển. Đối với vùng miền núi, tập trung phát triển nông, lâm nghiệp bền vững, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với giữ dân, giữ đất, giữ rừng, bảo đảm an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, quốc phòng an ninh; coi trọng đảm bảo an sinh xã hội, tạo sinh kế cho người dân, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc. Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và trung du, gắn với phát huy vai trò của các trung tâm kinh tế động lực của tỉnh; ưu tiên phát triển công nghiệp, nông nghiệp sạch, công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, du lịch văn hóa, dịch vụ chất lượng cao. Phát triển đột phá và bền vững vùng ven biển và hải đảo với động lực chính là Khu kinh tế Nghi Sơn, khu vực Sầm Sơn; đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, trọng tâm là khai thác, nuôi trồng thủy sản trên biển; du lịch biển, đảo; vận tải biển; dịch vụ cảng biển; các ngành công nghiệp gắn với biển như: lọc hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, năng lượng tái tạo, chế biến thủy sản, công nghiệp phụ trợ.

(5) Phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa.

Phát triển mạnh, vững chắc khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, trở thành động lực quan trọng, đột phá thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh

và bền vững; ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, công nghệ số, cơ sở dữ liệu lớn; chú trọng đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực khoa học - công nghệ chất lượng cao. Phấn đấu đến năm 2030, Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hàng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, thể thao. Tăng cường quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; xây dựng lộ trình, từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; phát triển ngành công nghiệp văn hóa theo hướng hiệu quả, bền vững. Nâng cao thành tích các môn thể thao có thế mạnh, giữ vững vị trí nhóm đầu về thể dục, thể thao của cả nước.

Phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính ứng dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, phát triển con người toàn diện. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn trong nhóm đầu cả nước. Tập trung khắc phục triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở các cấp học; tăng cường giáo dục và đào tạo trên nền tảng số; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Chú trọng công tác định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh ngay từ bậc học phổ thông. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh.

Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Tập trung phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, kỹ thuật chuyên sâu. Đổi mới mạnh mẽ y tế cơ sở; nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng; đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ y tế, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của tư nhân, hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án bệnh viện tư nhân hiện đại, quy mô lớn. Đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, phục vụ người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế; có cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực y tế trình độ cao vào làm việc trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo; phấn đấu tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 1% trở lên. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách đối với người có công; hỗ trợ những người yếu thế khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, góp phần tăng cường đoàn kết, giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

(6) Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; rà soát, kiên quyết thu hồi các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật; sớm hoàn thành Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn tỉnh. Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khảo sát, cấp phép, khai thác, tập kết, vận chuyển, chế biến khoáng sản, đảm bảo sử dụng tài nguyên khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao²⁷, kiên quyết dừng hoạt động đối với các cơ sở sản xuất, chăn nuôi không đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định. Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề

án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư. Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh; đồng thời tăng cường quản lý việc chấp thuận, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến tới 100% các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Triển khai thực hiện quyết liệt các quy định của pháp luật về phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trọng điểm, đảm bảo trong năm 2025 đưa vào hoạt động nhà máy xử lý rác thải tại xã Đông Nam, năm 2026 đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý rác thải tại xã Quảng Minh và khởi công xây dựng Khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Phú.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cấp, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu; chủ động triển khai các phương án, biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

(7) Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, ngoại giao kinh tế, hội nhập quốc tế; nâng cao hiệu quả hợp tác với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước.

Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao; sẵn sàng tham gia ứng phó hiệu quả với các tình huống an ninh phi truyền thống xảy ra trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ tỉnh, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tăng cường bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực; chủ động đấu tranh, trấn áp, điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm; kiểm chế, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 50% xã, phường không ma túy. Triển khai đồng bộ các giải pháp kéo giảm các tai nạn cháy nổ, tai nạn giao thông. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư, khiếu nại, tố cáo. Triển khai thực hiện sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục duy trì, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài, các nhà đầu tư, tổ chức quốc tế. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác đối ngoại với xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại nước ngoài; chú trọng nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại.

II. Thông qua Báo cáo Kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX. Giao Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XX tiếp thu ý kiến của Đại hội, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ tới.

III. Thông qua Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về tổng hợp ý kiến của tổ chức đảng, của Đại hội các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; ý kiến của các tầng lớp Nhân dân tham gia đóng góp vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội để bổ sung, hoàn chỉnh văn bản, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

IV. Thông qua kết quả bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm 69 đồng chí. Tại Hội nghị lần thứ Nhất, Ban Chấp hành Đảng

bộ tỉnh khóa XX đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí, đồng chí Nguyễn Doãn Anh được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã bầu 03 Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 10 đồng chí và bầu đồng chí Phạm Thị Thanh Thủy làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Thông qua kết quả bầu Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gồm 33 đồng chí đại biểu chính thức và 02 đồng chí đại biểu dự khuyết.

Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX hoàn chỉnh hồ sơ kết quả bầu cử, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, các Ban chức năng của Trung ương Đảng quyết định chuẩn y theo quy định.

V. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX, căn cứ Nghị quyết Đại hội, trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, chỉ đạo tổ chức quán triệt, học tập trong toàn Đảng bộ; cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể và lãnh đạo tổ chức thực hiện, nhanh chóng đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong tỉnh phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống cách mạng vẻ vang của quê hương; tranh thủ tốt thời cơ, thuận lợi, chủ động vượt qua khó khăn, thách thức; quyết tâm thực hiện thắng lợi, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đề ra; góp phần cùng cả nước vững vàng bước vào Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Các Ban, UBKT, Văn phòng Trung ương Đảng (b/c),
- Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu IV,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX,
- Các ban, sở, ngành, MTTQ, các đoàn thể cấp tỉnh,
- Đảng ủy các xã, phường, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Hồ sơ Đại hội.

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH



Nguyễn Doãn Anh

XÁC NHẬN CHỮ KÝ CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN DOÃN ANH

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



Nguyễn Hồng Phong

CHÚ THÍCH

¹ Đó là: Tốc độ tăng trưởng GRDP, GRDP bình quân đầu người, tổng huy động vốn đầu tư phát triển và cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP

² Gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

³ Như: thừa thiếu giáo viên; nghiện hút ma túy; khám chữa bệnh; môi trường; nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN; nhà ở cho công nhân, người nghèo...

⁴ Như: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

⁵ Bao gồm: đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng.

⁶ Có Phụ lục số 1 kèm theo.

⁷ Phấn đấu đến năm 2030, tỉ lệ doanh nghiệp tư nhân có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40%.

⁸ Có Phụ lục số 2 kèm theo.

⁹ Có Phụ lục số 3 kèm theo.

¹⁰ Như: Tổ hợp hóa chất Đức Giang; các nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn số 2, DST Nghi Sơn; nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương; Nhà máy Intco Medical Việt Nam; nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam; các nhà máy xi măng Long Sơn, Đại Dương...

¹¹ Như: công nghiệp chip bán dẫn; công nghiệp robot; trí tuệ nhân tạo; vật liệu mới, vật liệu phục vụ công nghiệp cơ khí chế tạo; công nghiệp sinh học; công nghiệp công nghệ số; công nghiệp ô tô; công nghiệp dược phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp...

¹² Như: viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ số, dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, dịch vụ bất động sản, các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao...

¹³ Như: Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En; Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên; Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại tại xã Quảng Nham; Khu du lịch Hoảng Phụ, huyện Hoảng Hóa; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dưỡng lão, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Công viên chuyên đề tại Sầm Sơn, Khu di tích lịch sử, danh thắng Am Tiên, Khu du lịch sinh thái Tân Dân...

¹⁴ Như: Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ; Quần thể du lịch Am Tiên; Khu du lịch sinh thái Trường Lâm; Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng tại xã Hà Long; Khu du lịch sinh thái Đảo Mê.

¹⁵ Phấn đấu đến năm 2030, tổng lượt khách du lịch đạt 21,5 triệu lượt khách (trong đó, khách quốc tế đạt 1,6 triệu người); tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 94.200 tỉ đồng.

¹⁶ Có Phụ lục số 4 kèm theo.

¹⁷ Như: Dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến Đường tỉnh 514; Dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ Đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân; Dự án đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47; Dự án đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân; Dự án Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn; Dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoảng Hóa - Sầm Sơn và Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)...

¹⁸ Như: Đường giao thông kết nối liên vùng từ tỉnh Thanh Hóa với tỉnh Hòa Bình; đường vành đai 3 nhánh Đông...

¹⁹ Như: Lạch Sung, Quảng Châu, Quảng Nham - Hải Châu

²⁰ Như: Dự án thủy lợi kết hợp thủy điện Cẩm Hoàng trên sông Mã; các hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt cửa Sông Mã và cửa sông Lạch Trường; hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng thích ứng với biến đổi khí hậu...

²¹ Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thủy sông Hoàng; nâng cấp hoàn chỉnh hệ thống tiêu thoát lũ sông Nhôm; nâng cấp hệ thống tiêu sông Lý; đầu tư hệ thống công trình tăng cường khả năng tiêu thoát của các đô thị lớn...

²² Nâng cấp, mở rộng cảng cá Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa; nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường, huyện Hậu Lộc. Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn; các xã Hoàng Yên, Hoàng Phong, Hoàng Lưu, Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa; xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc; xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.

²³ Như: KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Phú Quý, KCN phía Tây thành phố Thanh Hóa, KCN Giang Quang Thịnh, các KCN trong Khu Kinh tế Nghi Sơn như: KCN Đồng Vàng, KCN Luyện Kim, KCN số 3...

²⁴ Như: CCN Đông Văn; CCN Xuân Hòa; CCN Thượng Ninh; CCN Điền Trung; CCN Xuân Lai; CCN phía Đông Bắc thành phố Thanh Hóa; CCN Tư Sy; CCN Cẩm Sơn; CCN số 2 Vạn Hà; CCN Thọ Minh...

²⁵ Như: KCN Bắc Hoàng Hóa; KCN Tượng Lĩnh, Nông Cống; KCN Hà Long, huyện Hà Trung; KCN Lưu Bình, huyện Quảng Xương...; các KCN trong KKT Nghi Sơn như: KCN được phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ, KCN số 17...

²⁶ Trong đó: Khu vực đồng bằng và ven biển: 22 cụm công nghiệp; khu vực miền núi 8 cụm công nghiệp.

²⁷ Như: khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các đô thị, khu du lịch, làng nghề, các cơ sở công nghiệp gần các nguồn nước, khu vực đầu nguồn các hệ thống sông, suối...

PHỤ LỤC SỐ 1
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, QUY MÔ LỚN CẦN TẬP TRUNG THẢO GỒ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC
ĐỀ DẪY NHANH TIẾN ĐỘ

(Kèm theo Nghị quyết số 03 -NQ/ĐH ngày 16 tháng 1 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030)

TT	Lĩnh vực/dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện
A	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		
1.	Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại tỉnh Thanh Hóa	3.800	2021 - 2027
2.	Khu liên hợp sản xuất, chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 1	3.000	2021 - 2026
3.	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 2	2.000	2025 - 2027
4.	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 3	2.000	2025 - 2027
B	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP		
5.	Nhà máy xi măng Đại Dương	7.722	2019 - 2025
6.	Nhà máy Luyên cán thép Nghi Sơn số 2	4.787	2022 - 2026
7.	Nhà máy Intco Medical Việt Nam	2.796	2024 - 2026
8.	Tổ hợp sản xuất hóa chất Đức Giang - Nghi Sơn	2.400	2022 - 2026
9.	Nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam	1.634	2025 - 2028
10.	Nhà máy sản xuất vật liệu bảo ôn và tấm thạch cao Long Sơn	1.200	2025 - 2028
11.	Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn (giai đoạn 2)	1.059	2024 - 2026
12.	Nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện - Giai đoạn 1	1.025	2024 - 2025

TT	Lĩnh vực/dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
13.	Sản xuất sản phẩm trang trí công nghệ thân thiện với môi trường tại KCN Bim Son của Công ty Intco Medical Investment Singapore Pte.ltd	2.972	2024 - 2025
14.	Nhà máy gia công sản xuất giấy dép xuất khẩu của Công ty TNHH giấy Alivia Việt Nam	972	2024 - 2026
15.	Nhà máy luyện cán thép DST Nghi Sơn	5.500	2026 - 2028
16.	Nhà máy sản xuất ván tre OSB sta BOO Thanh Hóa	3.199	2025 - 2027
17.	Thủy lợi kết hợp thủy điện Tén Tần	418	2024 - 2029
18.	Thủy điện Sông Âm	522	2025 - 2030
C	LĨNH VỰC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ		
19.	Khu đô thị mới tại xã Hoàng Quang và Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa	12.890	2020 - 2028
20.	Khu đô thị mới dọc Đại lộ Nam Sông Mã	4.367	2019 - 2028
21.	Khu đô thị Tây Nam đại lộ Nam sông Mã 1, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa	3.603	2022 - 2027
22.	Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	3.255	2023 - 2028
23.	Thành phố Giáo dục Quốc tế Thanh Hóa	2.500	2025 - 2027
24.	Khu đô thị Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa.	1.204	2012 - 2026
25.	Khu đô thị Núi Long kết hợp khu tái định cư phục vụ GPMB đường vành đai Đông - Tây	1.127	2016 - 2026
26.	Khu đô thị sinh thái 2 bên bờ sông Đơ, thành phố Sầm Sơn	804	2012 - 2026

TT	Lĩnh vực/dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện
27.	Dự án số 2 - Khu đô thị mới Lam Sơn - Sao Vàng	561	2021 - 2027
28.	Khu dân cư mới Diêm Phố, xã Hưng Lộc, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc	511,3	2019 - 2027
D	LĨNH VỰC DỊCH VỤ		
29.	Trung tâm thương mại AEON MALL THANH HÓA tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	4.584	2024 - 2026
30.	Khu du lịch sinh thái Tân Dân	11.096	2021 - 2027
31.	Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	6.849	2021 - 2027
32.	Khu đô thị nghỉ dưỡng và công viên vui chơi giải trí Nam Sông Mã	6.156	2020 - 2025
33.	Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại của Công ty Cổ phần ORG	4.969	2022 - 2028
34.	Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En	4.960	2023 - 2027
35.	Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường (Khu A)	3.197	2021 - 2026
36.	Cảng Container Long Sơn	2.400	2023 - 2030
37.	Cảng tổng hợp Long Sơn	2.300	2019 - 2025
38.	Khu bến container 2	2.151	2019 - 2027
39.	Sân golf tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	1.616	2024 - 2027
40.	Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa	1.400	2021 - 2025

PHỤ LỤC SỐ 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP Ừ TIỀN KÊU GỌI, THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030)

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
A	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP		
1	Tổ hợp hóa dầu và sản xuất vật liệu nhựa mới tại KKT Nghi Sơn	2 triệu tấn PE và PP/năm	115.000
2	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, máy tính tại KCN Lam Sơn - Sao Vàng	500.000 sản phẩm/năm	5.750
3	Nhà máy nhiệt điện LNG Nghi Sơn	1500MW	58.026
4	Nhà máy sản xuất xơ, sợi tổng hợp tại KKT Nghi Sơn	100 nghìn tấn/năm	11.500
5	Nhà máy sản xuất thiết bị vật tư y tế tại KCN Lam Sơn - Sao Vàng	SXKD sản phẩm vật tư y tế	4.600
6	Nhà máy sản xuất methanol và các sản phẩm từ methanol tại KKT Nghi Sơn	600 nghìn tấn/năm	3.450
B	LĨNH VỰC ĐÔ THỊ HÓA VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG		
7	Hạ tầng khu công nghiệp điện tử tại KKT Nghi Sơn	493 ha	5.839
8	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN thực phẩm tỉnh Thanh Hóa	200 ha	1.600
9	KCN Dược phẩm công nghệ cao tại KKT Nghi Sơn	142,2 ha	1.474
10	Đầu tư hạ tầng KCN số 19 tại KKT Nghi Sơn	295 ha	2.360
11	Khu bến Bắc Nghi Sơn mở rộng - Cảng biển Thanh Hóa	23-25 triệu tấn/năm	14.119
12	Khu đô thị nghỉ dưỡng sinh thái và vui chơi giải trí cao cấp Xuân Lai	Diện tích sử dụng đất 50 ha	3.500

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
13	Dự án số 1 - Khu đô thị Đông Nam thành phố Thanh Hóa	Diện tích sử dụng đất 260 ha	12.000
C	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI, DU LỊCH		
14	Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ	102 ha	20.700
15	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	543 ha	6.210
16	Khu du lịch sinh thái Đảo Mè	DLST kết hợp nghỉ dưỡng	2.300
17	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế	Chất lượng 05 sao quốc tế	2.300
18	Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng	Sân golf 18 lỗ; tổ hợp nghỉ dưỡng 63ha	4.100
D	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		
19	Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng	800 - 1000 ha	8.000
20	Nhà máy chế biến dưa và hoa quả, gắn với vùng nguyên liệu	Công suất 50.000 tấn sản phẩm/năm	1.000
E	LĨNH VỰC Y TẾ, MÔI TRƯỜNG		
21	Bệnh viện Quốc tế Thanh Hóa	500 giường bệnh	700
22	Bệnh viện phục hồi chức năng Quốc tế	350 giường bệnh	490
23	Cơ sở hạ tầng khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng theo Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Miền Trung	Đến năm 2025: 500 tấn/ ngày đêm; đến năm 2045: 1.000 tấn/ ngày đêm.	720

PHỤ LỤC SỐ 3

**ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC TÍCH TỤ, TẬP TRUNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
QUY MÔ LỚN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030)

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
	TỔNG CỘNG	50.000	10.000
1	Hoàng Hóa	70	20
2	Hoàng Tiến	85	23
3	Hoàng Thanh	135	25
4	Hoàng Lộc	25	5
5	Hoàng Châu	530	200
6	Hoàng Sơn	60	30
7	Hoàng Phú	20	
8	Hoàng Giang	75	45
9	Triệu Lộc	230,5	50
10	Đông Thành	222,5	50
11	Hậu Lộc	220	50
12	Hoa Lộc	246	125
13	Vạn Lộc	231	50
14	Thiệu Hóa	335	100
15	Thiệu Quang	215	75

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
16	Thiệu Tiến	180	75
17	Thiệu Toán	280	75
18	Thiệu Trung	180	75
19	Yên Định	390	80
20	Yên Trường	330	65
21	Yên Phú	180	45
22	Quý Lộc	320	80
23	Yên Ninh	270	40
24	Định Tân	330	55
25	Định Hòa	380	70
26	Nga Sơn	205	50
27	Nga Thắng	142	50
28	Hồ Vương	150	55
29	Tân Tiến	252	50
30	Nga An	150	50
31	Ba Đình	166	45
32	Quảng Phú	120	41
33	Đông Quang	58	15
34	Đông Sơn	85	30
35	Đông Tiến	137	71
36	Hàm Rồng	70	33

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
37	Nguyệt Viên	100	40
38	Nam Sơn Sơn	40	20
39	Ngọc Sơn	185	145
40	Tân Dân	20	10
41	Hải Lĩnh	45	13
42	Tĩnh Gia	35	5
43	Đào Duy Từ	35	20
44	Hải Bình	30	
45	Trúc Lâm	165	20
46	Các Sơn	50	40
47	Trường Lâm	135	22
48	Lưu Vệ	400	180
49	Quảng Yên	218	
50	Quảng Ngọc	270	100
51	Quảng Ninh	210	
52	Quảng Bình	200	70
53	Quảng Chính	400	100
54	Nông Cống	107	15
55	Thắng Lợi	92	17
56	Trung Chính	88	5
57	Trương Văn	133	25

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
58	Thăng Bình	99	5
59	Tương Linh	189	18
60	Công Chính	532	205
61	Triệu Sơn	210	120
62	Thọ Bình	90	30
63	Thọ Ngọc	145	40
64	Thọ Phú	260	80
65	Hợp Tiến	170	45
66	An Nông	165	95
67	Tân Ninh	110	70
68	Đồng Tiến	90	70
69	Như Xuân	550	151
70	Thượng Ninh	870	239
71	Hóa Quý	700	166
72	Xuân Bình	800	264
73	Thanh Phong	810	100
74	Thanh Quân	820	80
75	Xuân Du	100	
76	Mậu Lâm	108	80
77	Như Thanh	52	10
78	Yên Thọ	980	70

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
79	Thanh Kỳ	1.710	320
80	Xuân Thái	200	20
81	Mường Chanh	77	
82	Quang Chiếu	94	
83	Pù Nhi	41	
84	Nhi Sơn	40	
85	Trung Lý	65	
86	Mường Lý	48	
87	Tam Chung	44	
88	Mường Lát	41	
89	Hiền Kiệt	279	9
90	Thiên Phú	279	9
91	Nam Tiến	278	10
92	Hội Xuân	278	9
93	Phú Xuân	140	5
94	Phú Lệ	407	14
95	Trung Thành	279	9
96	Trung Sơn	140	5
97	Trung Hà	300	
98	Quan Sơn	330	
99	Tam Lư	200	

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
100	Tam Thanh	300	
101	Sơn Điện	300	
102	Mường Mìn	300	
103	Sơn Thủy	150	
104	Na Mèo	120	
105	Linh Sơn	600	15
106	Đồng Lương	600	2
107	Văn Phú	600	
108	Giao An	600	
109	Yên Thắng	500	
110	Yên Khương	500	
111	Yên Nhân	243	140
112	Bát Mọt	212	50
113	Lương Sơn	460	170
114	Thường Xuân	288	80
115	Luận Thành	943	30
116	Tân Thành	1.000	30
117	Vạn Xuân	380	30
118	Thắng Lộc	744	50
119	Xuân Chinh	680	0
120	Ngọc Lặc	530	130

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
121	Thạch lập	730	180
122	Ngọc Liên	900	220
123	Nguyệt Ân	930	210
124	Kiên Thọ	690	170
125	Minh Sơn	1.110	290
126	Thọ Xuân	212	60
127	Thọ Long	220	50
128	Xuân Hòa	225	20
129	Sao Vàng	329	65
130	Lam Sơn	192	11
131	Thọ Lập	202	34
132	Xuân Tín	260	60
133	Xuân Lập	260	100
134	Hà Trung	117	15
135	Hà Long	230	150
136	Hoạt Giang	120	10
137	Lĩnh Toại	155	10
138	Tổng Sơn	295	110
139	Vĩnh Lộc	440	160
140	Tây Đô	275	125
141	Biện Thượng	335	120

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
142	Bá Thước	180	6
143	Thiết Ống	480	66
144	Văn Nho	300	1
145	Diễn Quang	441	75,3
146	Diễn Lư	418	77
147	Quý Lương	511	61,7
148	Cổ Lũng	10	2
149	Pù Luông	10	1
150	Cầm Thạch	710	180
151	Cầm Thủy	500	180
152	Cầm Tú	750	200
153	Cầm Vân	500	120
154	Cầm Tân	500	120
155	Kim Tân	200	20
156	Vân Du	350	150
157	Ngọc Trào	960	260
158	Thạch Bình	870	200
159	Thành Vinh	520	100
160	Thạch Quảng	250	70
161	Bím Sơn	70	0
162	Quang Trung	40	20

PHỤ LỤC SỐ 4

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG TẬP TRUNG ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 03 -NQ/ĐH ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030)

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			
1.	Đường vành đai 3 nhánh Đông đoạn từ huyện Hoàng Hóa đến huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	9.985	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
2.	Đường giao thông kết nối liên vùng từ đường Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa đến Quốc lộ 6 và đường cao tốc CT.03 tỉnh Hòa Bình	9.800	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
3.	Dự án đường giao thông nối thành phố Thanh Hóa với các huyện Ngọc Lặc và các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa	5.400	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
4.	Đại lộ Bắc sông Mã	4.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
5.	Đường tỉnh 501 (Đường Trường Thi - Hàm Rồng)	1.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
6.	Đường nối Quốc lộ 47 - Quốc lộ 15 - Quốc lộ 217	4.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
7.	Đầu tư đường cát hạ cánh số 2 Cảng hàng không Thọ Xuân	3.500	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
8.	Tuyến đường Vành đai 2 (giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch)	3.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
9.	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 và Quốc lộ 45, tỉnh Thanh Hóa với Quốc lộ 48E, tỉnh Nghệ An	2.100	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
10.	Đường nối QL47 tại Dân Lực, Triệu Sơn với khu du lịch biển Quảng Đại	2.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
11.	Đường Minh Sơn - Thành Minh	2.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
12.	Đường nối Hồ Chí Minh (khu di tích Lam Kinh) với QL217 (Khu di tích Thành Nhà Hồ)	2.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
13.	Đường từ TP. Thanh Hóa đi các xã Định Công, Định Thành, huyện Yên Định	1.765	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
14.	Đường Vạn Thiện, Nông Cống - Quảng Lợi, Quảng Xương	1.685	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
15.	Tuyến đường Yên Cát - Thanh Quan - Bù Cắm, tỉnh Thanh Hoá	1.400	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
16.	Đầu tư các công trình để giảm ùn tắc khu vực thành phố Thanh Hóa, gồm: Đường Đình Nghệ - Đội Cung - Mai An Tiêm/Hàm Nghi...	1.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
17.	Đường nối Quốc lộ 1 với đường Ven biển (nối tiếp với đường nối Quốc lộ 1 - Quốc lộ 45)	1.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
18.	Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Hóa - Sầm Sơn và Quảng Xương - Nghi Sơn (theo hình thức đầu tư công)		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
19.	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hên đến đường tỉnh 514	971,9	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
20.	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ Đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân	1.109,9	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
21.	Đường giao thông nối QL.217 với QL.45 và QL.47	921,0	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
22.	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa	141,7	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
23.	Đường Quang Trung (TX. Bim Sơn) - Nga Vịnh (Nga Sơn)	1.200	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
24.	Đường tỉnh Chợ Kho - Minh Thọ (ĐT 525) nối Quốc lộ, Quốc lộ 47B và Quốc lộ 45 với nút giao Vạn Thiện	1.142	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
25.	Đường tỉnh 512 (Tân Dân - Chuồng - Vạn Thiện - Tương Sơn)	1.158	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
26.	Đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường kết nối Ga đường sắt tốc độ cao (gồm: mở rộng tuyến đường vành đai phía Tây thành phố	4.300	2026 - 2030	Dự án khởi công mới

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
	Thanh Hóa; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 47 đoạn từ ngã Tư Phú Sơn giao với đường vành đai phía Tây)			
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI, CẤP THOÁT NƯỚC			
27.	Hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng thích ứng với biến đổi khí hậu	2.100	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
28.	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thủy sông Hoàng	420	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
29.	Đầu tư xây dựng mới tuyến đê hữu Sông Mã đoạn từ Quý Lộc - Yên Lâm, huyện Yên Định	300	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
30.	Cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu sông Lý tỉnh Thanh Hóa	200	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
31.	Thủy lợi kết hợp thủy điện Cẩm Hoàng trên sông Mã	8.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
32.	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ sông Nhôm	450	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
33.	Xây dựng mới đê tả sông Lèn từ K32 xã Nga Bạch đến đê biên xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn	456,5	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
34.	Cơ sở hạ tầng nước có khả năng chống chịu khí hậu và toàn diện cho các hộ sản xuất nhỏ ở nông thôn tỉnh Thanh Hóa, sử dụng vốn vay của IFAD và viện trợ không hoàn lại của AF	794,6	2024 - 2029	Dự án khởi công mới
35.	Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa	400	2023 - 2028	Dự án khởi công mới
III	LĨNH VỰC DU LỊCH			
36.	Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ	20.700	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
37.	Quần thể du lịch Am Tiên	12.500	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
38.	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	6.210	2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
39.	Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng tại huyện Hà Trung	4.100	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
40.	Khu du lịch sinh thái Đảo Mê	2.300	2026 - 2030	Dự án khởi công mới

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
41.	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế tại KKT Nghi Sơn	2.300	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
IV HẠ TẦNG KHU KINH TẾ NGHI SƠN, KHU CÔNG NGHIỆP				
42.	Khu bến Bắc Nghi Sơn mở rộng - Cảng biển Thanh Hóa	14.119	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
43.	Khu công nghiệp số 17 - KKT Nghi Sơn	5.839	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
44.	Đường giao thông kết nối các Khu công nghiệp số 20, 21, 22 từ Quốc lộ 1A đi đường Thọ Xuân - Nghi Sơn	5.425	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
45.	Nạo vét luồng tàu khu bến cảng Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn	3.018	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
46.	Khu công nghiệp số 19 - KKT Nghi Sơn	2.360	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
47.	Khu công nghiệp Được phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ	1.474	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
48.	Cải tạo, nâng cấp đường 512 kéo dài đoạn từ nút giao đường Sao Vàng - Nghi Sơn đến đường 529	1.400	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
49.	Kho dự trữ quốc gia đối với dầu thô, quy mô 01 triệu tấn, tại Nghi Sơn		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
50.	Hệ thống các kho, đường ống xăng dầu, LNG, LPG		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
V LĨNH VỰC ĐIỆN				
51.	Nhà máy điện khí LNG Nghi Sơn	58.026	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
52.	Nhà máy nhiệt điện LNG Công Thanh	50.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
53.	Nhà máy điện gió Mường Lát	12.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
54.	Nhà máy điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn	5.469	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
55.	Nhà máy điện gió Hoàng Hoá		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
56.	Nhà máy điện gió Thái Hải Hùng		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
57.	Nhà máy điện rác Thọ Xuân	3.000	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
58.	Nhà máy thủy điện Mường Mìn	450	2026 - 2030	Dự án khởi công mới

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
59.	Nhà máy thủy điện Xuân Khao	261	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
60.	Nhà máy thủy điện Mường Lát		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
61.	Nhà máy thủy điện tích năng Sông Mực - Đồng Lớn		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
62.	Nhà máy thủy điện Yên Mỹ - Bồng Bồng		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
63.	Nhà máy điện mặt trời Thanh Hoá 1		2026 - 2030	Dự án chuyển tiếp
64.	Nhà máy điện mặt trời Yên Mỹ 1		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
65.	Nhà máy điện mặt trời ĐMT Long Sơn - Thanh Hóa		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
66.	Điện sinh khối Thanh Hóa 1		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
67.	Điện sinh khối Thanh Hóa 2		2026 - 2030	Dự án khởi công mới
VI	HẠ TẦNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, HẠ TẦNG CHUYÊN ĐỘI SỐ			
68.	Xây dựng CSHT và lắp đặt thiết bị mạng di động 4G/5G, mạng cáp quang, MAN-E thiết bị	788	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
69.	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu và điều hành An toàn thông tin mạng của tỉnh	190	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
70.	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Big Data)	130	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
VII	HẠ TẦNG VĂN HÓA, XÃ HỘI			
71.	Khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh (bao gồm: Sân vận động tỉnh; khu thể thao dưới nước; Nhà thi đấu tỉnh...)	2.100	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
72.	Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	500	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
73.	Trung tâm văn hóa tỉnh	500	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
74.	Bệnh viện Lão khoa tỉnh Thanh Hóa	750	2026 - 2030	Dự án khởi công mới
75.	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Thanh Hóa	620	2026 - 2030	Dự án khởi công mới

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện	Ghi chú
VIII	HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ			
76.	Đề án giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các khu tái định cư và giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn			Dự án khởi công mới
77.	Đầu tư các dự án tái định cư thuộc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi giai đoạn 2026 - 2030			Dự án khởi công mới
78.	Đầu tư hạ tầng các khu tái định cư phục vụ triển khai thực hiện Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam			Dự án khởi công mới